

Số: 20/2019/QĐST-KDTM

Thủy Nguyên, ngày 04 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 9 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 40/2019/TLST-KDTM ngày 04 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty A; địa chỉ: Số 22 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân; địa chỉ: Số 28C - 28D Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội (Hợp đồng ủy quyền số 20741/2015/UQ.VAMC2-NCB ngày 28 tháng 9 năm 2015 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng ủy quyền số 9956/2017/UQ1/VAMC2-NCB ngày 02 tháng 11 năm 2017). Người được Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phan Hoàng Vĩ, chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ Trung tâm xử lý nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân (Quyết định ủy quyền số 79/2017/QĐUQ-CTHĐQT ngày 10 tháng 11 năm 2017 v/v khởi kiện, tham gia tố tụng tại Tòa án và Thi hành án và Giấy ủy quyền số 01A/2019/UQ-NCB ngày 02 tháng 01 năm 2019).

- *Bị đơn*: Ông B; địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện T, thành phố H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Ông Phạm Văn Tuệ, sinh năm 1967 và bà Trần Thị T, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện T, thành phố H. Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị T là ông Phạm Văn Tuệ, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện T, thành phố H (Giấy ủy quyền ngày 27 tháng 8 năm 2019).

Anh Phạm Anh T, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn An Lợi, xã A, huyện T, thành phố H. Người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Anh T là ông Phạm Văn Tuệ, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện T, thành phố H (Giấy ủy quyền ngày 27 tháng 8 năm 2019).

Anh Phạm Văn V, sinh năm 1980 và chị Nguyễn T, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn 14, xã L, huyện T, thành phố H.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển tàu thủy Hoàng Long; địa chỉ: Thôn An Lợi, xã A, huyện T, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển tàu thủy Hoàng Long là ông Trần Văn Kiên, chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển tàu thủy Hoàng Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông B phải trả cho Công ty A số tiền nợ tính đến ngày 26 tháng 9 năm 2019 là 23.343.474.670 đồng (Hai mươi ba tỷ ba trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi tư nghìn sáu trăm bảy mươi đồng) bao gồm số tiền nợ gốc là 8.618.891.361 đồng (Tám tỷ sáu trăm mười tám triệu tám trăm chín mươi một nghìn ba trăm sáu mươi một đồng), số tiền nợ lãi trong hạn là 1.845.367.866 đồng (Một tỷ tám trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm sáu mươi sáu đồng), số tiền nợ lãi quá hạn là 12.879.215.173 đồng (Mười hai tỷ tám trăm bảy mươi chín triệu hai trăm mười lăm nghìn một trăm bảy mươi ba đồng), trong đó: Số tiền nợ của hợp đồng tín dụng dài hạn số 046/2007/HĐTDDH-105404.NHNVHP ngày 17 tháng 10 năm 2007 là 11.352.782.795 đồng bao gồm số tiền nợ gốc là 4.218.891.631 đồng, số tiền lãi trong hạn là 1.520.784.533 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 5.613.106.631 đồng. Số tiền nợ của hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 004/12/HĐHM/105-11 ngày 11 tháng 9 năm 2012, hợp đồng tín dụng ngắn hạn kiêm khế ước nhận nợ số 001/12/HĐTD/105-11 ngày 13 tháng 9 năm 2012 là 11.990.691.875 đồng bao gồm số tiền nợ gốc là 4.400.000.000 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 324.583.333 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 7.266.108.542 đồng.

- Kể từ ngày 27 tháng 9 năm 2019 Ông B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất quá hạn mà hai bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Việt (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân) và Doanh nghiệp tư nhân Phú Toàn cho đến khi Ông B thanh toán xong số tiền nợ gốc. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Phương án trả nợ cụ thể như sau: Bắt đầu từ tháng 10 năm 2019 đến tháng 01 năm 2020, mỗi tháng Ông B phải trả cho Công ty A số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) chậm nhất vào ngày 25 hàng tháng. Từ tháng 02 năm 2020 đến tháng 11 năm 2020 mỗi tháng Ông B phải trả cho Công ty A số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) chậm nhất vào ngày 25 hàng tháng. Chậm nhất đến ngày 25 tháng 12 năm 2020 Ông B phải trả hết cho Công ty A số tiền nợ còn lại (bao gồm số tiền nợ gốc, số tiền nợ lãi trong hạn và số

tiền nợ lãi quá hạn) của các hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ đã ký giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Việt (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân) và Doanh nghiệp tư nhân Phú Toàn.

- Trường hợp Ông B vi phạm bất kỳ kỳ hạn nào của phương án trả nợ nêu trên thì cho Công ty A có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại các tài sản thế chấp sau để thu hồi nợ:

Tàu Phú Toàn 06, chở hàng khô; năm đóng/nơi đóng: năm 2008 - H/2017 - HP; trọng tải: 2.141,8 tấn, cấp phương tiện: VR - SB; chiều dài lớn nhất 72,85m, chiều rộng lớn nhất 11,50 m; số đăng ký: HP 4429 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số: 4146/ĐK do Sở Giao thông Vận tải thành phố H cấp ngày 31 tháng 3 năm 2017 cho chủ phương tiện là Doanh nghiệp tư nhân Phú Toàn.

Quyền sử dụng 294m² và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 917 tờ bản đồ số 01 tại thôn L, xã A, huyện T, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 184600 do Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố H cấp ngày 04 tháng 9 năm 2012 cho chủ sử dụng là ông Phạm Văn Tuệ và vợ là bà Trần Thị T.

Quyền sử dụng 94,5m² và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 1555a, tờ bản đồ số 04 tại thôn My Sơn, xã L, huyện T, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 492247 do Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố H cấp ngày 01 tháng 12 năm 2008 cho chủ sử dụng là anh Phạm Anh T.

- Về án phí: Ông B nhận nộp cả số tiền 65.671.737 đồng (Sáu mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn bảy trăm ba mươi bảy đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Công ty A số tiền tạm ứng án phí 64.000.000 đồng (Sáu mươi tư triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002724 ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố H;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn T Hiền

